# PHÂN TÍCH TÍNH HIỆU QUẢ TRONG VIỆC SỬ DỤNG VỐN BẰNG TIỀN TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

***Ths. Ngô Thị Kiều Trang***

## Tóm tắt

Vốn bằng tiền là yếu tố sống còn đảm bảo khả năng thanh toán và duy trì hoạt động kinh doanh. Đối với doanh nghiệp thương mại – nơi dòng tiền ra và vào diễn ra nhanh và thường xuyên – việc sử dụng vốn bằng tiền hiệu quả là nền tảng quyết định khả năng sinh lời và ổn định tài chính. Bài viết phân tích tính hiệu quả trong sử dụng vốn bằng tiền thông qua các chỉ tiêu tài chính và số liệu giả định tại doanh nghiệp thương mại X, từ đó đề xuất các giải pháp quản trị vốn tiền mặt nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

## 1. Đặt vấn đề

Trong môi trường kinh doanh cạnh tranh và biến động, dòng tiền là yếu tố then chốt giúp doanh nghiệp duy trì hoạt động ổn định, tránh đứt gãy tài chính. Việc để tồn quá nhiều tiền mặt gây lãng phí nguồn lực, trong khi thiếu hụt vốn tiền lại dẫn đến rủi ro thanh toán. Với doanh nghiệp thương mại, nơi mua vào – bán ra diễn ra liên tục, quản lý dòng tiền hiệu quả là nhiệm vụ cấp thiết để bảo đảm tính thanh khoản, khai thác cơ hội đầu tư và tối ưu chi phí.

## 2. Khái quát về vốn bằng tiền và vai trò tại doanh nghiệp thương mại

 Vốn bằng tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, Tiền gửi ngân hàng, Tiền đang chuyển, Các khoản tương đương tiền có kỳ hạn ngắn (dưới 3 tháng), dễ chuyển đổi thành tiền mặt. Đây là nhóm tài sản đảm bảo tính thanh khoản cao, hỗ trợ doanh nghiệp thanh toán các khoản nợ đến hạn, chi trả chi phí vận hành và tận dụng cơ hội đầu tư.

Tại doanh nghiệp thương mại, vốn bằng tiền chủ yếu dùng để:
- Thanh toán tiền hàng hóa đầu vào;
- Chi trả lương, chi phí vận hành (thuê mặt bằng, điện nước…);
- Duy trì các khoản dự phòng rủi ro;
- Thực hiện đầu tư ngắn hạn sinh lời.

Tiền mặt ở mức hợp lý giúp doanh nghiệp thương mại duy trì tính chủ động trong thương lượng với nhà cung cấp và khách hàng, đồng thời nắm bắt cơ hội nhập hàng giá tốt.

**3. Các chỉ tiêu phân tích hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền**

Để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền, có thể sử dụng các chỉ tiêu định lượng sau:

**3.1. Vòng quay tiền mặt (Cash Turnover)**

|  |  |
| --- | --- |
| Vòng quay tiền mặt = | Doanh thu thuần |
|  | Số dư bình quan vốn bằng tiền |

Chỉ tiêu phản ánh mức độ luân chuyển của tiền trong kỳ. Vòng quay cao cho thấy doanh nghiệp sử dụng tiền linh hoạt và hiệu quả.

**3.2. Chu kỳ chuyển đổi tiền mặt (Cash Conversion Cycle – CCC)**

CCC = Số ngày tồn kho + Số ngày phải thu-Số ngày phải trả

Chỉ tiêu đo lường thời gian cần thiết để chuyển đổi hàng tồn kho và khoản phải thu thành tiền mặt, trừ đi thời gian trì hoãn thanh toán khoản phải trả.

**3.3. Tỷ lệ tiền mặt so với tổng tài sản**

|  |  |
| --- | --- |
| Tỷ lệ tiền mặt so với tổng tài sản = | Tiền và tương đương tiền |
|  | Tổng tài sản |

Tỷ lệ này phản ánh mức độ dự trữ tiền mặt trong tổng tài sản. Nếu quá cao, có thể cho thấy sự không hiệu quả do tiền bị “đóng băng”.

**3.4. Khả năng thanh toán nhanh**

|  |  |
| --- | --- |
| Khả năng thanh toán nhanh = | Tài sản ngắn hạn không bao gồm hàng tồn kho |
|  | Nợ ngắn hạn |
|  |  |

Chỉ tiêu đo lường khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp. Mức độ hợp lý phản ánh việc phân bổ tiền mặt và tài sản ngắn hạn phù hợp.

## Phân tích số liệu giả định tại doanh nghiệp thương mại X

Giả định số liệu năm 2024 như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Chỉ tiêu | Giá trị (triệu đồng) |
| Doanh thu thuần | 48.000 |
| Tiền mặt đầu kỳ | 1.500 |
| Tiền mặt cuối kỳ | 1.200 |
| Khoản phải thu khách hàng bình quân | 4.000 |
| Hàng tồn kho bình quân | 3.500 |
| Khoản phải trả nhà cung cấp bình quân | 2.200 |
| Tổng tài sản bình quân | 20.000 |
| Tài sản ngắn hạn (trừ hàng tồn kho) | 6.000 |
| Nợ ngắn hạn | 5.000 |

**Tính toán các chỉ tiêu hiệu quả:**

* Tiền mặt bình quân = (1.500 + 1.200)/2 = 1.350 triệu đồng
* Vòng quay tiền mặt = 48.000 / 1.350 ≈ 35,6 vòng/năm
* Chu kỳ chuyển đổi tiền mặt (CCC) = (3.500/48.000)×365 + (4.000/48.000)×365 – (2.200/48.000)×365 ≈ 26,6 + 30,4 - 16,7 = 40,3 ngày
* Tỷ lệ tiền mặt / Tổng tài sản = 1.200 / 20.000 = 6%
* Khả năng thanh toán nhanh = 6.000 / 5.000 = 1,2

**Nhận định:**

* CCC còn khá cao (40 ngày), cho thấy thời gian từ mua hàng đến thu được tiền còn dài, ảnh hưởng đến dòng tiền.
* Tỷ lệ tiền mặt chiếm 6% tổng tài sản, mức trung bình, nhưng nếu không tái đầu tư tốt sẽ lãng phí.
* Khả năng thanh toán nhanh >1, chứng tỏ doanh nghiệp có thể đáp ứng được các khoản nợ ngắn hạn trong ngắn hạn.

**4. Phân tích chi tiết các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền**

**4.1. Xây dựng kế hoạch dòng tiền theo tuần/tháng**

Giải pháp:

* Lập bảng ngân sách tiền mặt theo từng tuần/quý để theo dõi dòng tiền vào – ra.
* Dự báo dòng tiền để tránh bị âm tiền mặt hoặc tồn dư tiền không cần thiết.

**Ứng dụng tại doanh nghiệp X:**
Doanh nghiệp có thể xây dựng kế hoạch dòng tiền tuần, trong đó phân bổ chi tiết lịch nhập hàng, thu tiền từ khách hàng và chi tiền thuê mặt bằng, nhân sự.

**4.2. Rút ngắn chu kỳ chuyển đổi tiền mặt**

Giải pháp:

* Đàm phán rút ngắn thời gian thu hồi nợ khách hàng (ví dụ giảm từ 30 ngày xuống 20 ngày).
* Quản trị hàng tồn kho hiệu quả, ứng dụng phần mềm dự báo nhu cầu để giảm tồn kho chết.
* Kéo dài thời hạn thanh toán với nhà cung cấp nhưng không ảnh hưởng đến quan hệ đối tác.

**Tại doanh nghiệp X:**
Với CCC = 40 ngày, doanh nghiệp cần giảm thời gian tồn kho (hiện khoảng 26 ngày). Điều này có thể thực hiện bằng cách phân tích sức mua và giảm nhập các mặt hàng quay vòng chậm.

**4.3. Tối ưu hóa tồn quỹ tiền mặt**

Giải pháp:

* Thiết lập **mức dự trữ tiền mặt tối thiểu** đủ chi trong 1 tháng hoạt động.
* Số tiền vượt mức dự trữ nên được gửi kỳ hạn ngắn hoặc đầu tư sinh lời (ví dụ: mua chứng chỉ tiền gửi 1-3 tháng).

**Tại doanh nghiệp X:**
Nếu chi phí hoạt động trung bình hàng tháng là 3.000 triệu đồng, thì mức tồn quỹ cần thiết chỉ cần khoảng 2.500 – 3.000 triệu đồng. Việc để tồn hơn 4.000 triệu trong nhiều tháng gây lãng phí chi phí cơ hội.

**4.4. Tăng cường công cụ quản trị dòng tiền và số hóa tài chính**

Giải pháp:

* Sử dụng phần mềm kế toán – quản lý tiền mặt tích hợp (như MISA, Bravo, Fast…).
* Ứng dụng công nghệ để kết nối trực tiếp với ngân hàng, theo dõi biến động tiền trong thời gian thực.
* Tạo cảnh báo dòng tiền âm/quá dư bất thường.

**Tại doanh nghiệp X:**
Doanh nghiệp có thể triển khai phần mềm tích hợp dòng tiền – đơn hàng – công nợ để kiểm soát vòng quay tiền hiệu quả hơn, tránh nhập hàng vượt quá nhu cầu và thu nợ quá hạn.

**4.5. Thiết lập chính sách thu – chi tài chính rõ ràng**

Giải pháp:

* Ràng buộc về thời hạn thanh toán cho khách hàng (ví dụ: phạt 1% nếu quá hạn).
* Lập ủy quyền chi tiêu, kiểm soát mọi khoản chi ngoài dự toán.
* Áp dụng quy trình duyệt chi nhiều cấp cho các khoản tiền lớn.

**Tại doanh nghiệp X:**
Cần ban hành quy chế nội bộ về chi tiêu tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, ví dụ mọi khoản chi trên 100 triệu phải được phê duyệt từ Ban Giám đốc.

**5. Kết luận**

Qua phân tích số liệu giả định tại doanh nghiệp thương mại X, có thể thấy hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền còn có dư địa cải thiện thông qua việc rút ngắn chu kỳ chuyển đổi tiền mặt, kiểm soát tồn quỹ hợp lý và ứng dụng công nghệ tài chính. Việc xây dựng hệ thống quản trị tiền mặt bài bản không chỉ nâng cao khả năng thanh toán, mà còn giúp doanh nghiệp nắm bắt cơ hội kinh doanh, đầu tư linh hoạt, tạo nền tảng phát triển bền vững trong dài hạn.

**Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Hữu Anh (2021), *Phân tích tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính.
2. Bộ Tài chính (2020), *Thông tư 200/2014/TT-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp*.
3. Gitman, L. (2017), *Principles of Managerial Finance*, Pearson Education.
4. Các mô hình thực tiễn phân tích dòng tiền của Deloitte, EY, PwC.